

Số: 15/QĐ-THNBK

Long Biên, ngày 01 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ văn bản số 210/UBND-TCKH ngày 23/02/2016 về việc thực hiện công khai tài chính, ngân sách, tài sản, đầu tư XD cơ bản;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5169/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND quận Long Biên về việc giao quyền và kinh phí tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị trường học công lập thuộc quận Long Biên năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của quận Long Biên;

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 của đơn vị;

Căn cứ Dự toán năm 2024 đã được Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Long Biên phê duyệt ngày 31/01/2024;

Xét đề nghị của Kế toán trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán Ngân sách nhà nước năm 2024 của Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm (theo biểu 02 đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Hiệu trưởng trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm, Bộ phận kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH Long Biên;
- Như điều 3;
- Lưu: VT,KT (03).



Đỗ Thị Thanh Huyền

Đơn vị: **TRƯỜNG TH NGUYỄN BÌNH KHIÊM**

Chương: **622**

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: *15* /QĐ-THNBK ngày 01/02/2024 của Trường TH Nguyễn Bình Khiêm)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3,606,400,000
1	Quỹ tiền lương	2,569,700,000
6000	Lương cơ bản	1,364,800,000
6100	Phụ cấp lương	805,400,000
6300	Các khoản đóng góp	399,500,000
2	Chi hoạt động thường xuyên	1,036,700,000
6050	Tiền công trả cho lao động định biên	196,560,000
6100	Phụ cấp lương	12,247,000
6250	Phúc lợi tập thể	19,350,000
6300	Các khoản đóng góp	46,191,000
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	150,908,000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
6550	Vật tư văn phòng	52,400,000
6600	Thông tin liên lạc	10,264,000
6650	Hội nghị	6,000,000
6700	Công tác phí	7,200,000
6750	Chi phí thuê mướn	383,080,000
6900	Sửa chữa TSCĐ	15,560,000
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn	96,850,000
7050	Mua sắm tài sản vô hình	20,090,000
7750	Chi khác	20,000,000

KẾ TOÁN



Trần Thị Hoa



HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Thanh Huyền

Số: ~~15~~/TB-THNBK

Long Biên, ngày 01 tháng 02 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ văn bản số 210/UBND-TCKH ngày 23/02/2016 về việc thực hiện công khai tài chính, ngân sách, tài sản, đầu tư XD cơ bản;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5169/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND quận Long Biên về việc giao quyền và kinh phí tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị trường học công lập thuộc quận Long Biên năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của quận Long Biên;

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 của đơn vị;

Căn cứ Dự toán năm 2024 đã được Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Long Biên phê duyệt ngày 31/01/2024;

Căn cứ Quyết định số ~~15~~ /QĐ-THNBK ngày 01/02/2024 về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024;

Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm thông báo niêm yết công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 như sau:

1. Bộ phận thực hiện niêm yết công khai: Hiệu trưởng, Kế toán, Ban TTND.

2. Thời gian niêm yết công khai: Từ ngày 01/02/2024 đến hết ngày 30/04/2024.

3. Địa điểm công khai: Bảng tin phòng Hội đồng Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm, Webside điện tử;

4.Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 01/02/2024 đến hết ngày 30/04/2024.

5.Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai.

6.Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: chậm nhất ngày 05/05/2024.

Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm thông báo đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động biết, giám sát và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH Long Biên;
- Như điều 3;
- Lưu: VT,KT (03).



HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Thanh Huyền

Mã ĐVQHNS: 3033523

Tài khoản: 9523.3.3033523

Chương 622 Loại 070 Khoản: 072

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Kính gửi: - Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận Long Biên

- Kho bạc Nhà nước Long Biên

- Căn cứ QĐ số 5169/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND Quận Long Biên về việc giao quyền và kinh phí tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị trường học công lập thuộc quận Long Biên năm 2024;

- Căn cứ QĐ số 5299/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND Quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của quận Long Biên;

- Căn cứ vào chế độ, định mức, quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm lập điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2024 như sau:

ĐVT: nghìn đồng

Mục	Nội dung	Tổng dự toán năm 2024
KINH PHÍ TỰ CHỦ		3,606,400
1	Quỹ tiền lương	2 569 700
6000	Lương cơ bản	1 364 800
6100	Phụ cấp lương	805 400
6300	Các khoản đóng góp	399 500
2	Chi hoạt động thường xuyên	1 036 700
6050	Tiền công trả cho lao động định biên	196 560
6100	Phụ cấp lương	12 247
6250	Phúc lợi tập thể	19 350
6300	Các khoản đóng góp	46 191
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	150 908

6550	Vật tư văn phòng	52 400
6600	Thông tin liên lạc	10 264
6650	Hội nghị	6 000
6700	Công tác phí	7 200
6750	Chi phí thuê mướn	383 080
6900	SC TSCĐ	15 560
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn	96 850
7050	Mua sắm tài sản vô hình	20 090
7750	Chi khác	20 000

Bằng chữ: Ba tỷ sáu trăm linh sáu triệu bốn trăm nghìn đồng.

Long Biên, ngày 31 tháng 01 năm 2024

XÁC NHẬN
CỦA PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH QUẬN



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trần Thanh Nam

KẾ TOÁN **HIỆU TRƯỞNG**

Trần Thị Hoa
Trần Thị Hoa



Đỗ Thị Thanh Huyền
Đỗ Thị Thanh Huyền

THUYẾT MINH DỰ TOÁN NĂM 2024

M	TM	Nội dung	Số tiền (nghìn đồng)
A		MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN	
		Tổng số: 38 người Trong đó: CBGVNV biên chế (01/01/2024): 21 người HĐ NV được duyệt: 04 người HĐLĐ trường: 13 người (Giáo viên: 08; Bảo vệ: 03; Lao công: 02)	
B		KINH PHÍ TỰ CHỦ	3 606 400
I		Quỹ tiền lương	2 569 700
6000		Tiền lương	1 364 800
	6001	Tiền lương ngạch bậc	1 364 800
		<i>Lương hệ số: $76.331 * 1.490 * 12$ tháng</i>	1 364 800
6100		Phụ cấp lương	805 400
	6101	Phụ cấp chức vụ (HT,P.HT-17 lớp): $(0.55 * 1.490) * 12$ tháng	9 834
	6112	Phụ cấp ưu đãi nghề: $(24.494 * 1.490 * 12)$ tháng	437 900
	6113	Phụ cấp trách nhiệm	7 152
		<i>Phụ cấp trách nhiệm thư viện hệ số 0.2; PC giáo viên TPT hệ số 02: $0.4 * 1.490 * 12$ tháng</i>	7 152
	6115	Thâm niên nhà giáo: $18.190 * 1.490 * 12$ tháng	325 300
	6149	Phụ cấp khác:	25 214
		<i>Phụ cấp TTCM: 07 người * $0.2 * 1.490 * 12$ th</i>	22 532
		<i>Phụ cấp TPCM: 01 người * $0.15 * 1.490 * 12$ th</i>	2 682
6300		Các khoản đóng góp: BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN: 23.5%	399,500
	6301	Bảo hiểm xã hội: $17% * (TM 6001 + TM 6101 + TM 6115)$	288 989
	6302	Bảo hiểm y tế: $3% * (TM 6001 + TM 6101 + TM 6115)$	51 011
	6303	KP công đoàn: $2% * (TM 6001 + TM 6101 + TM 6115)$	34 003
	6304	BHTN: $1% * (TM 6001 + TM 6101 + TM 6115)$	16 997
	6349	BH TNLĐ, BNN: $0,5% * (TM 6001 + TM 6101 + TM 6115)$	8 500
II		KINH PHÍ CHI HOẠT ĐỘNG	1 036 700
6050		Tiền công	196 560
	6051	Tiền công hợp đồng:	196 560

M	TM	Nội dung	Số tiền (nghìn đồng)
		Hợp đồng bảo vệ ND 111 trong chi tiêu: 01 đ/c x 4.680.000đ x 12th	56 160
		Hợp đồng NVKT ND 111 trong chi tiêu: 01 đ/c x 4.680.000đ x 12th	56 160
		Hợp đồng GV ND 111 trong chi tiêu: 02 đ/c x 4.680.000đ x 9th	84 240
6100		Phụ cấp lương	12 247
	6149	Tiết dạy ngoài trời GVTD: 18.000đ/1 tiết x 18 tiết/ tuần * 4.2 tuần * 9T	12 247
6300		Các khoản đóng góp: BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN: 23.5% (đối với GV, NV HĐ 111)	46 191
	6301	Bảo hiểm xã hội: 17%*(56.160+56.160+84240)	33 415
	6302	Bảo hiểm y tế: 3%*(56.160+56.160+84240)	5 896
	6303	KP công đoàn: 2%*(56.160+56.160)+ (84240*2%)	3 931
	6304	BHTN: 1%*(56.160+56.160+84240)	1 966
	6349	BH tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 0,5%*(56.160+56.160+84240)	983
6250		Phúc lợi tập thể	19 350
	6299	Tiền nước uống: 1.000.000đ/ tháng x 9 tháng + 500.000đ/th x 3th	10 500
	6299	Chi Tết Âm lịch: 300.000đ/ng x 21ng; HĐ 17ng x 150.000đ/ng	8 850
6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	150 908
	6501	Thanh toán tiền điện (Theo HĐ thực tế): 3.000.000* 4T+11.000.000*8T	100,000
	6502	Tiền nước (Theo HĐ thực tế): 2.000 *4T+3.500*8T	40,000
	6504	Tiền vệ sinh môi trường: 909.000 đ* 12T	10,908
6550		Vật tư văn phòng	52 400
	6551	Văn phòng phẩm phục vụ hoạt động công tác VP: Sổ, bút, vở, kéo, ghim, băng dính, hồ dán, bút dạ, bút xóa, dao dọc giấy, in phong bì... định mức: 1.500.000đ/1 th x 12 Th	18 000
	6552	Mua thay thế bình chữa cháy: 270.000đ/ bình x 30 bình	8 100
	6553	Khoản chi VPP CBGVNV: 200.000đ/1 người(biên chế)x 21ng x 1 năm	4 200
	6599	Các loại vật tư văn phòng khác	22 100
		Mua giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn, chổi, nước rửa tay.....: 1000.000 đ/tháng x 9T + 700.000đ/th x 3T	14 100
		Băngzôn, tranh ảnh tuyên truyền các ngày lễ lớn, tuyên truyền ATGT, biển đảo, phong sân khấu... 2.000/lần x 2 lần/năm	4 000

M	TM	Nội dung	Số tiền (nghìn đồng)
		Vòi nước, ống nước, phao nước... khu vệ sinh, mặt bàn ghế bị long, bản lề cửa hông: 2.000 x 2 lần/năm	4 000
6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	10 264
	6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại : = 22.000đ/th/máy x 1 x 12 th, cước theo thực tế hóa đơn	264
	6608	Bổ sung sách, tạp chí tủ truyện thư viện học sinh theo danh mục quy định	10 000
6650		Hội nghị (Hội nghị CBVC, HT nhiệm vụ năm học, sơ kết, tổng kết NH)	6 000
	6657	Các khoản thuê mướn khác phục vụ hội nghị: thuê phòng bạt sân khấu, trang phục biểu diễn, đại biểu... 1.000 x 3	3 000
	6699	Chi khác: trang trí, hoa tươi, chè, nước, đại biểu...: Tổng kết, HN CBVC, HT nhiệm vụ năm học, khai giảng, 20/11, sơ kết: 6hn x 500	3 000
6700		Công tác phí	7 200
	6704	Khoản công tác phí cho Kế toán, văn phòng: 300.000 đồng/ người/ tháng* 2 người *12th	7 200
6750		Chi phí thuê mướn	383 080
	6751	Chi phí thuê xe (tham gia Hội khoẻ Phù Đổng, HS thăm quan di tích lịch sử, đưa đón HS tham gia các cuộc thi, vận chuyển đồ dùng ngày hội CNTT cấp quận): 1.000 x 4 lần	4 000
	6757	Thuê lao động trong nước	379 080
		Chi thuê 3 nhân viên bảo vệ (4.680.000đ/ng x 3 x 9T)=126.360.000đ 2 lao công :4.680.000đ/ng x 2 x 9T=84.240.000đ 04 GVCB x 4.680.000đ/th x 9 tháng= 168.480.000đ	210 600
			168 480
6900		Chi sửa chữa tài sản cố định	15 560
	6912	Sửa chữa, thay thế các linh kiện máy chiếu, máy tính, thiết bị tin học các phòng chức năng: 2.500.000đ/lần x 2 lần/năm	5 000
	6912	Các thiết bị CNTT (khối VP và phòng tin): Bảo dưỡng, bảo trì máy tính: 110.000đ/máy x 38 máy x 1 lần =4.560.000đ.	4 560
	6913	Thay linh kiện (khối văn phòng): cụm trống, hộp mực... máy in, máy photo: 3.000.000đ/lần x 2 lần/năm	6 000
7000		Chi phí chuyên môn	96 850
	7001	Photo đề thi, thông báo, tài liệu phục vụ CM: 1.700.000đ/1 kì x 2 kỳ; thay mực in: 120./1 máy x 6 máy x 3 lần,....	5 000
	7004	Đồng phục, trang phục GV dạy thể dục theo qui định 51/2012/QĐ - TTg 1.500.000/ người/năm;	1 500
	7049	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác	90 350

M	TM	Nội dung	Số tiền (nghìn đồng)
		03 giáo viên HD theo tiết: GV môn Tiếng anh, Tin học, Thể dục: 50.000 đồng/ tiết*170tiết/ tháng*9 tháng	76 350
		Chi xây dựng, thực hiện các chuyên đề cấp trường, cấp quận, thiết kế bài giảng Elearning... (xây dựng tiết dạy, đồ dùng, GV dạy): 1000/CĐ x 6 CĐ	6 000
		- Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến và hồ sơ giấy tuyển sinh: 10 ng x 5 buổi x 100.000đ/1 buổi:	5 000
		Chi tổ chức, hỗ trợ GV và HS các cuộc thi Hội khỏe phù đồng cấp trường, quận, thành phố, Trạng nguyên TV, Olympic tiếng anh	3 000
7050		Mua sắm tài sản vô hình	20 090
	7053	Bảo trì PM cổng thông tin điện tử của trường	10 000
		Bảo trì phần mềm kế toán	3 000
		Bảo trì phần mềm tài sản	3 000
		Bảo trì phần mềm thu	2 000
		Chi mua chữ ký số cho CB, GV: 19ng x 110.000/ng	2 090
7750		Chi khác	20 000
	7799	Chi phun thuốc diệt côn trùng: muỗi, kiến, mối: 5.000.000/ lần x 2 lần/năm	10 000
		Chi cắt tỉa cây xanh sân trường: 2.000.000đ x 2 lần	4 000
		Chi mua cây cảnh trang trí khung cảnh sư phạm " Sáng - xanh - sạch-đẹp- văn minh - hạnh phúc", hoa trang trí sân khấu: 3.000.000đ/lần x 2 lần	6 000